

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **344**/UBND-CN2

Quảng Ninh, ngày **31** tháng 12 năm 2020

V/v thông báo Thông tư mới
ban hành của Bộ Tài nguyên
và Môi trường

Kính gửi:

- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh.

Ngày 25/12/2020, Bộ Công Thương đã ban hành văn bản sau:

Tên văn bản: Quyết định về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Số, ký hiệu văn bản: 3460/QĐ-BCT.

Người ký ban hành: Thứ trưởng, Cao Quốc Hưng .

Văn bản nêu trên được đăng tải toàn văn tại Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương, địa chỉ <http://www.moit.gov.vn> (có phôi tờ gửi kèm theo các văn bản liên quan).

Thừa lệnh Ủy ban nhân dân tỉnh, Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh thông báo để các đơn vị liên quan biết, chủ động tra cứu, triển khai thực hiện và tham mưu đề xuất các nội dung thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (báo cáo);
 - Như kính gửi (thực hiện);
 - V0- V4, XD, MT, CN, QH, QLĐĐ;
 - Lưu: VT, CN.
- TB.T12.2020

**TL. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG**

Nguyễn Huy Thắng



Ký bởi: Bộ Công Thương
Cơ quan: Bộ Công Thương
Thời gian ký: 30.12.2020 1.

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 3 4 6 0 /QĐ-BCT

Hà Nội, ngày 25 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bổ sung danh mục máy móc, thiết bị, vật tư,
nguyên liệu trong nước đã sản xuất được**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ Công văn số 7551A/BCT-KH ngày 17 tháng 8 năm 2017 của Bộ Công Thương về việc Hướng dẫn điều chỉnh, bổ sung Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Căn cứ đề nghị của Sở Công Thương Hồ Chí Minh tại Công văn số 5502/SCT-QLCN ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc đề nghị bổ sung sản phẩm của Công ty cổ phần thiết bị điện Tuấn Ân vào Danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục bổ sung máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Danh mục này làm căn cứ để các Bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo thực hiện theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 2840/QĐ-BCT ngày 28 tháng 5 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành danh mục máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu trong nước đã sản xuất được.

Điều 3. Trong quá trình thực hiện, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn, Tổng Công ty, Công ty và Hiệp hội

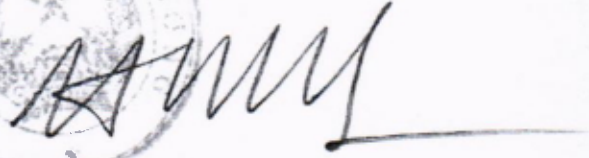
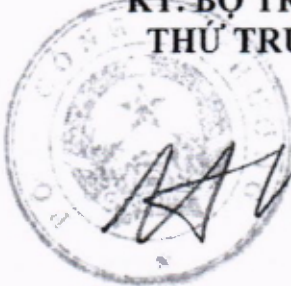
ngành nghề tiếp tục đề xuất với Bộ Công Thương để điều chỉnh, bổ sung Danh mục phù hợp với tình hình thực tế.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT; TC; NN&PTNT; Y tế; GTVT; TT&TT; XD; KHCN; UBQLVNN;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Công Thương Hồ Chí Minh;
- Các TĐ, TCT 90,91;
- Website BCT;
- Lưu: VT, KH (3) 

KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG



Cao Quốc Hưng

Phụ lục

DANH MỤC BỔ SUNG MÁY MÓC, THIẾT BỊ, VẬT TƯ, NGUYÊN LIỆU TRONG NƯỚC ĐÃ SẢN XUẤT ĐƯỢC CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN TUẤN ÂN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3460/QĐ-BCT ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Công Thương)

TT	Mã số theo biểu thuế nhập khẩu				Tên sản phẩm	Ký hiệu quy cách, mô tả đặc tính kỹ thuật	Tỷ lệ phần trăm chi phí sản xuất trong nước ¹ (%)
	Nhóm	Phân nhóm					
1	8504	31	13		Biến áp đo lường trung thế 24kV	Loại: PTA-24 Điện áp định mức sơ cấp: 8.4 đến 24kV Điện áp định mức sơ cấp: 30 đến 190V Tải định mức: 5VA đến 100VA Cấp chính xác: 0.5; 1, 3P, 6P	80,42%
2	8504	31	24		Biến dòng đo lường trung thế 24kV	Loại: CTA-24 Điện áp định mức: 8.4 đến 24kV Dòng điện định mức sơ cấp: 5A đến 1000A Dòng điện định mức thứ cấp: 1A; 5A Tải định mức: 5VA đến 30VA Cấp chính xác: 0.5, 1, 5P10	73,89%
3	8504	31	29		Biến dòng đo lường hạ thế 0,6kV; 1kV	Loại: CTA0.6, CTA1 Điện áp định mức: 400V đến 1000V Dòng điện định mức sơ cấp: 50 đến 5000A Dòng điện định mức thứ cấp: 1A; 5A Tải định mức: 5VA đến 30VA Cấp chính xác: 0.5; 1.	98,71%

¹ Tỷ lệ phần trăm chi phí sản xuất trong nước được xác nhận tại thời điểm ban hành Quyết định.

4	8535	30	11		Dao cách ly 1 pha căng trên dây (LTD) 15/38.5kV	Loại: LTD Điện áp định mức: 15 đến 38.5 (40.5) kV Dòng điện định mức: 630A; 800A Cách điện: Polymer Lực căng định mức: 70; 120kN	97,74%
5	8535	30	11		Dao cách ly trung thế 24kV (mở đứng/mở ngang)	Loại: ODS-24; IDS-24 Điện áp định mức: 24kV; 40.5kV. Dòng điện định mức: 630A, 800A, 1250A Cách điện: Sứ/polymer/epoxy Lắp đặt: Trong nhà hoặc ngoài trời	88,09%
6	8535	30	11		Dao cách ly trung thế 40.5kV (mở đứng/mở ngang)	Loại: ODS-35 Điện áp định mức: 40.5kV. Dòng điện: 630A, 800A, 1250A Cách điện: Sứ/polymer/epoxy	93,53%
7	8535	30	11		Dao cắt phụ tải 24kV, buồng dập hồ quang dầu	Loại: LBSO-24-61 Điện áp định mức: 24kV Dòng điện định mức: 630A Cách điện: Sứ/polymer/epoxy	96,40%
8	8535	30	11		Dao cắt phụ tải 40.5kV, buồng dập hồ quang dầu.	Loại: LBSO-35-61 Điện áp định mức: 40.5kV. Dòng điện định mức: 630A Cách điện: Sứ/polymer/epoxy	95,14%
9	8535	10	00		Cầu chì tự rơi (FCO), cầu chì tự rơi cắt có tải (LBFCO) 38.5kV	Loại: FCO 3-1, LBFCO 3-1 Điện áp định mức: 38.5kV. Dòng điện định mức: 100A, 200A Cách điện: Sứ/polymer	62,36%
10	8546	20	90		Cách điện đứng loại polymer, epoxy, HDPE (PVC)	Loại: PPI-24, PPI-35. Điện áp định mức: 15kV đến 45kV. Cách điện: Polymer/epoxy/HDPE(PVC)	64,70%

11	8546	20	90		Chuỗi cách điện polymer	Loại: PDI-25, PDI-35, PDI-110 Điện áp định mức: 15kV đến 125kV. Cách điện: Polymer	81,12%
12	8536	20	11 12 13		Máy cắt hạ thế loại tép (MCB), Dòng định mức đến 125A, loại B, C, D. Số cực 1P, 1P+N, 2P, 3P, 3+N, 4P, dòng cắt ngắn mạch 6kA đến 10kA, mã hiệu MS100, MH100	Loại: MS100, MH100 Điện áp định mức: 230/400V; 240/415V Dòng điện định mức: 6A-125A. Số cực: 1 đến 4 cực Dòng cắt ngắn mạch: 6kA; 7.5kA; 10kA	35,33%
13	8536	20	13		Máy cắt hạ thế loại khối (MCCB), dòng định mức từ 80A, 100A, 125A, 160A, 200A, 250A, 320A, 400A, 500A, 630A loại 3 cực, dòng cắt ngắn mạch đến 70kA	Loại: NB80; NB100; NB125; NB160; NB200; NB250; NB320; NB400; NB500; NB630. Điện áp định mức: 400V đến 690V Dòng điện định mức: 80A-630A. Số cực: 2 cực, 3 cực, 4 cực Dòng cắt ngắn mạch: Đến 70kA	43,66%
14	8535	40	00		Chống sét van hạ thế	Loại: LSA-480 Điện áp định mức: 400V đến 1000V. Cách điện: Polymer	94,61%
15	8546	20	90		Nối bọc IPC trung hạ thế, cấp điện áp 0.6kV đến 35kV sử dụng cho cáp có độ dày vỏ cách điện 3mm đến 12mm. Tiết diện cáp từ 4mm ² đến 300mm ²	Loại: IPC; MV IPC Phạm vi cáp sử dụng: 4mm ² đến 300mm ² . Điện áp định mức: 0.6kV đến 40.5kV	100%
16	8535	90	90		Khóa néo sử dụng cho dây nhôm, dây nhôm lõi thép bọc cách điện tiết diện từ 35mm ² - 300mm ²	Loại: TA-AB, TA-ET Phạm vi cáp sử dụng: 35mm ² đến 300mm ² .	100%
17	8535	90	90		Kẹp đầu rẽ sử dụng cho dây nhôm, dây nhôm lõi thép trần hoặc bọc cách điện, tiết diện từ 35mm ² -300mm ²	Loại: TA-CDB Phạm vi cáp sử dụng: 35mm ² đến 300mm ² .	100%